

Bản án số: 154/2024/HS-ST
Ngày: 27- 6- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Diệu Huệ

Ông Phạm Minh Khiết

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 135/2024/TLST-HS, ngày 14 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/**V V H**, sinh năm 1992, tại thành phố Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: Thôn X S, xã T X T, huyện C M, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Căn hộ B3D Chung cư T V, số 319 đường L T K, phường 15, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam con ông V V S, sinh năm 1970 và bà N T N, sinh năm 1972; hoàn cảnh gia đình: Có 01 con sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 27/7/ 2017, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự (Bản án số 111/2017/HSST ngày 27/7/2017). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/5/2019, đóng án phí hình sự ngày 27/7/2017.

Ngày 02/10/2019 bị Công an huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Đánh nhau” (Quyết định số 424/QĐ-XPHC ngày 02/10/2019). Bị cáo đóng phạt ngày 25/10/2019.

Ngày 23/10/2019 bị Công an huyện Chương Mỹ Thành phố Hà Nội xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác” (Quyết định số 441/QĐ-XPHC ngày 23/10/2019). Bị cáo đóng phạt ngày 13/12/2019. Bị cáo tại ngoại (Có mặt);

2/T T D, sinh năm 1997, tại: Hòa Bình; Hộ khẩu thường trú: Thôn X L, xã T X T, huyện C M thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Số 1A đường Đ N, phường 15, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông T M T, sinh năm 1967 và bà N T M, sinh năm 1976; hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên N T P, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (Có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà H N L, sinh năm 1972; Trú tại: Số 428/39 đường C L, phường B T Đ A, quận B T, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

2/Ông N T K, sinh năm 1983; Trú tại: Số E34 cư xá P L D, phường 10, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

3/Ông M T, sinh năm 1987; Trú tại: Số 33 đường B T, phường 7, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh(Vắng mặt).

4/Ông N T C, sinh năm 1992; Trú tại: Số 15/14/8 đường số 9, phường 16, quận G V, Thành phố Hồ Chí Minh(Vắng mặt);

5/Ông V H B K, sinh năm 1998; Trú tại: Số 17 đường B H B, phường 13, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh(Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 35 phút, ngày 11/9/2023, T T D đến nhà chị H T N L tại địa chỉ 428/39 C L, phường B T Đ A, quận B T để đòi tiền vay lãi thì bị Công an phường Bình Trị Đông A mời về trụ sở làm việc. Tại cơ quan Công an, T T D khai nhận hành vi cùng V V H cho chị L và nhiều người khác vay lãi nặng theo hình thức lấy tiền gốc và lãi hàng ngày. Vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân thụ lý theo thẩm quyền.

Kết quả điều tra, xác định:

V V H và T T D là bạn cùng quê, do muốn có tiền tiêu xài nên H rủ D giúp sức cùng thực hiện hành vi cho người khác vay tiền để thu lãi cao, D đồng ý. Khoảng giữa năm 2023, H bắt đầu cùng D cho nhiều người vay lãi, theo hình thức trả góp tiền gốc và lãi hàng ngày. Khi người vay lãi gọi điện thoại di động

hỏi vay tiền, H sẽ hỏi tên, tuổi, địa chỉ, số tiền muốn vay, chụp giấy tờ tùy thân để kiểm tra và thỏa thuận, quy định hình thức trả tiền gốc và lãi chia đều theo số ngày, nếu người vay đồng ý thì H đưa số điện thoại, địa chỉ và tiền cho vay để D mang đi kiểm tra nhà và giao tiền cho người vay. Sau khi xác định được nơi ở của người vay lãi, D sẽ sử dụng điện thoại di động chụp lại giấy tờ tùy thân của người vay lãi, lưu giữ lại trên điện thoại và chuyển cho H lưu giữ. Sau khi thu tiền góp ngày của người, D sẽ giao lại cho H, việc thu tiền gốc và lãi hằng ngày đều do D trực tiếp thực hiện. H không trả công cho D mà bao ăn, ở và thỉnh thoảng cho D từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Tùy trường hợp, H sẽ đi cùng D để cho vay và thỏa thuận với người vay trả tiền cho D hàng ngày.

Từ khoảng tháng 5/2023 đến tháng 8/2023, V V H và T T D đã cho tổng cộng 05 người vay tiền, 11 lần cho vay trên địa bàn quận B T và một số quận huyện khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với tổng số tiền cho vay là 290.000.000 đồng, tổng số tiền lãi thực tế đã thu 60.676.190 đồng, trong đó, tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 4.301.370 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 56.374.821 đồng, thu phí tổng cộng là 18.600.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính đã thu là 74.974.821 đồng, thu lợi bất chính hướng tới là 10.273.973 đồng. Tổng thu lợi bất chính bao gồm thu lợi thực tế đã thu, phí hồ sơ và thu lợi bất chính hướng tới là 85.248.793 đồng. Lãi suất tương đương từ 0,6%/ngày đến 1,3%/ngày, tương đương 225%/năm đến 486%/năm, vượt quá từ 205%/năm đến 466%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể:

Trên địa bàn quận B T:

Người vay 1. Chị H T N L vay 05 lần, tổng số tiền 130.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu là 31.076.190 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 2.750.685 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 28.325.506 đồng, lãi suất là 01%/ngày, tương đương 365%/năm, vượt quá 345%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thu phí là 6.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 34.825.506 đồng. Cụ thể từng lần vay như sau:

Lần 01: Vào ngày 16/5/2023 chị L vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 42 ngày, mỗi ngày phải trả 900.000 đồng cả gốc và lãi (gốc là 714.286 đồng, tiền lãi là 185.714 đồng). Tổng cộng đã thu của 42 ngày là 37.800.000 đồng, thu phí là 1.500.000 đồng. Số tiền lãi thực tế đã thu của 42 ngày là 7.800.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 690.411 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 7.109.589 đồng, lãi suất là 0,6%/ngày,

tương đương 225%/năm, vượt quá 205%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính bao gồm phí là 9.509.589 đồng.

Lần 02: Vào ngày 16/6/2023, chị L vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 42 ngày, mỗi ngày phải trả 900.000 đồng cả gốc và lãi (gốc là 714.286 đồng, tiền lãi là 185.714 đồng). Tổng cộng đã thu của 42 ngày là 37.800.000 đồng, thu phí là 1.500.000 đồng. Số tiền lãi thực tế đã thu của 42 ngày là 7.800.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 690.411 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 7.109.589 đồng, lãi suất là 0,6%/ngày, tương đương 225%/năm, vượt quá 205%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính bao gồm phí là 9.509.589 đồng.

Lần 03: Vào ngày 16/7/2023, chị L vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 42 ngày, mỗi ngày phải trả 900.000 đồng cả gốc và lãi (gốc là 714.286 đồng, tiền lãi là 185.714 đồng). Tổng cộng đã thu của 42 ngày là 37.800.000 đồng, thu phí là 1.500.000 đồng. Số tiền lãi thực tế đã thu của 42 ngày là 7.800.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 690.411 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 7.109.589 đồng, lãi suất là 0,6%/ngày, tương đương 225%/năm, vượt quá 205%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính bao gồm phí là 9.509.589 đồng.

Lần 04: Ngày 20/7/2023 chị L vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 42 ngày, mỗi ngày phải trả 600.000 đồng cả gốc và lãi (gốc là 476.190 đồng, tiền lãi là 123.810 đồng). Tổng cộng đã thu của 42 ngày là 25.200.000 đồng, thu phí là 1.000.000 đồng. Số tiền lãi thực tế đã thu của 42 ngày là 5.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 460.274 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 4.729.736 đồng, lãi suất là 0,6%/ngày, tương đương 225%/năm, vượt quá 205%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính bao gồm phí là 5.739.726 đồng.

Lần 05: Ngày 20/8/2023 chị L vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 42 ngày, mỗi ngày phải trả 600.000 đồng cả gốc và lãi (gốc là 476.190 đồng, tiền lãi là 123.810 đồng). Tổng cộng đã thu của 20 ngày là 12.000.000 đồng, thu phí là 1.000.000 đồng. Số tiền lãi thực tế đã thu của 20 ngày là 2.476.190 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 219.178 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.257.012 đồng, lãi suất là 0,6%/ngày, tương đương 225%/năm, vượt quá 205%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính bao gồm phí là 3.257.012 đồng. Số tiền lãi còn lại chưa đến ngày trả thì bị phát hiện, ngăn chặn. Số tiền gốc còn lại chưa trả là 10.476.190 đồng.

Người vay 2. Anh N T K vay 03 lần, tổng số tiền 90.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu là 20.400.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.117.808 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 19.282.192 đồng, lãi suất là 01%/ngày, tương đương 365%/năm, vượt quá 345%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thu phí là 5.400.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 24.682.192 đồng. Cụ thể từng lần vay như sau:

Lần 1: Ngày 11/7/2023 anh K vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 1.500.000 đồng cả gốc và lãi (gốc là 1.200.000 đồng, tiền lãi là 300.000 đồng). Tổng cộng đã thu của 25 ngày là 37.500.000 đồng, thu phí là 1.500.000 đồng. Số tiền lãi thực tế đã thu của 25 ngày là 7.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 410.959 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 7.089.041 đồng, lãi suất là 01%/ngày, tương đương 365%/năm, vượt quá 345%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính bao gồm phí là 8.589.041 đồng.

Lần 2: Vào ngày 07/8/2023, anh K vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 1.500.000 đồng cả gốc và lãi (gốc là 1.200.000 đồng, tiền lãi là 300.000 đồng). Tổng cộng đã thu của 25 ngày là 37.500.000 đồng, thu phí là 1.500.000 đồng. Số tiền lãi thực tế đã thu của 25 ngày là 7.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 410.959 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 7.089.041 đồng, lãi suất là 01%/ngày, tương đương 365%/năm, vượt quá 345%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính bao gồm phí là 8.589.041 đồng.

Lần 3: Vào ngày 26/8/2023, anh K vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 1.500.000 đồng cả gốc và lãi (gốc là 1.200.000 đồng, tiền lãi là 300.000 đồng). Tổng cộng đã thu của 18 ngày là 27.000.000 đồng, thu phí là 2.400.000 đồng. Số tiền lãi thực tế đã thu của 18 ngày là 5.400.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 295.890 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 5.104.110 đồng, lãi suất là 01%/ngày, tương đương 365%/năm, vượt quá 345%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính bao gồm phí là 7.504.110 đồng. Số tiền lãi còn lại chưa đến ngày trả thì bị phát hiện, ngăn chặn. Số tiền gốc còn lại chưa trả là 8.400.000 đồng.

Trên địa bàn Quận 6: Ngày 16/6/2023, Anh M T vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 1.500.000 đồng cả gốc và lãi (gốc là 1.200.000 đồng, tiền lãi là 300.000 đồng), thu phí là 1.200.000 đồng. Số tiền lãi thực tế đã thu của 09 ngày là 2.940.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy

định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 161.096 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.778.904 đồng, lãi suất là 01%/ngày, tương đương 365%/năm, vượt quá 345%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, vượt quá 05 lần mức cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Do anh M T mất khả năng chi trả nên chưa thanh toán số tiền vốn và lãi còn lại cho H. Số tiền số tiền thu lợi bất chính chưa thu là 4.310.137 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính bao gồm thu lợi thực tế đã thu và chưa thu và tiền phí là 8.289.041 đồng. Số tiền gốc còn lại chưa trả là 18.240.000 đồng.

Trên địa bàn quận G V: Ngày 06/8/2023, Anh N T C vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 1.600.000 đồng cả gốc và lãi (gốc là 1.200.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng). Tổng cộng đã thu của 13 ngày là 20.800.000 đồng, thu phí là 4.500.000 đồng. Số tiền lãi thực tế đã thu của 13 ngày là 5.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 213.699 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 4.986.301 đồng, lãi suất là 1,3%/ngày, tương đương 486%/năm, vượt quá 466%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Do anh C mất khả năng chi trả nên chưa thanh toán số tiền vốn và lãi còn lại cho H. Số tiền thu lợi bất chính hướng tới là 4.602.740 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính bao gồm thu lợi thực tế đã thu và thu lợi hướng tới và tiền phí là 14.089.041 đồng. Số tiền gốc còn lại chưa trả là 14.400.000 đồng.

Trên địa bàn Quận 8: Ngày 26/6/2023, Anh V H B K vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 42 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000 đồng cả gốc và lãi (gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng). Tổng cộng đã thu của 25 ngày là 12.500.000 đồng, thu phí là 1.000.000 đồng. Số tiền lãi thực tế đã thu của 25 ngày là 2.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 136.986 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng, lãi suất là 01%/ngày, tương đương 365%/năm, vượt quá 345%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính bao gồm phí là 3.363.014 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ của V V H: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng 16GB, đã qua sử dụng. H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội;
- Thu giữ của T T D: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh 256GB, đã qua sử dụng. D sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Cơ quan điều tra đã chuyển các vật chứng trên đến Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân tạm giữ để chờ xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân, các bị cáo V V H và T T D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của người vay cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Những người vay tiền H T N L, N T K, M T, N T C, V H B K đề nghị cản trừ số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo đã thu với số tiền gốc mà những người liên quan đã vay chưa trả, phần còn lại thì đồng ý nộp bổ sung để sung quỹ Nhà nước và không yêu cầu các bị cáo phải trả lại.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân các bị cáo V V H và T T D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H T N L; N T K; M T; N T C; V H B K cùng các chứng cứ khác của vụ án.

Tại bản cáo trạng số 132/QĐ-VKS ngày 07/5/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân truy tố các bị cáo V V H và T T D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân sau khi phân tích nội dung vụ án, phân tích chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết định tội, định khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội ít nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 201 điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo V V H từ 150.000.000 đến 170.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 201 điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T T D từ 130.000.000 đến 150.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị buộc bị cáo H nộp lại số tiền vốn mà bị cáo dùng để cho vay sau khi được cản trừ số tiền gốc mà những người đi vay chưa trả đủ cho bị cáo còn lại và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự mà các bị cáo thu của những người cho vay để sung quỹ Nhà nước.

Đề nghị cản trừ số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo đã thu với số tiền gốc mà bà H T N L; N T K; M T; N T C phải nộp lại và không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính còn dư ra sau khi cản trừ và đồng ý nộp thêm nếu còn thiếu để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, 16GB đã qua sử dụng, Imei số 359237067906862 thu của bị cáo H; 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu xanh 256GB, đã qua sử dụng Imei số: 352845114489935/35.284511.440490 thu của bị cáo D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra truy tố các bị cáo V V H và T T D Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, cùng với các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để kết luận hành vi của các bị cáo V V H và T T D đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, nó mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền phải lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đúng thậm chí còn có thể phải bán tài sản nhà cửa để trả nợ...Ngoài ra, còn mang đến những hậu quả khó lường khác làm ảnh hưởng đến sức khỏe nhân phẩm, danh dự của con người và những thiệt hại khác về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...mà trực tiếp là người đi vay phải chịu lãi suất quá cao dẫn đến mất khả năng chi trả. Hành vi cho vay lãi nặng của các bị cáo còn

làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Mặc dù các bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, là gây thiệt hại cho người vay bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng chỉ vì động cơ tư lợi muốn có tiền để tiêu xài mà không phải thông qua lao động chân chính, các bị cáo đã lợi dụng những người đi vay tiền đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp để giải quyết một số việc trong cuộc sống để ép những người vay tiền phải chịu mức lãi suất thật cao. Các bị cáo đã ngang nhiên thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra thể hiện ý thức các bị cáo rất xem thường pháp luật, nên việc xử lý bị các cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết để răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Do các bị cáo đã có hành vi cho 05 người vay gồm bà H T N L; N T K; M T; N T C, ông V H B K với tổng số tiền cho vay tổng cộng là 290.000.000 đồng, lãi suất dao động từ 0.6%/ngày đến 1,3%/ ngày, tương đương với 225%/năm đến 486%/năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (*vượt quá 205%/năm đến 466%/năm*), tổng số tiền H và D thu lợi bất chính là 85.248.793 đồng. Do đó Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, xét tính chất, vai trò của từng bị cáo trong vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo H giữ vai trò chính là người trực tiếp bỏ tiền ra để cho vay và thu lợi bất chính, bị cáo D giữ vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo H trong việc thực hiện hành vi phạm tội, đổi lại bị cáo D được bị cáo H bao ăn ở thảnh thơi cho tiền bị cáo D để tiêu vật nên bị cáo H phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo D là phù hợp.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Ngoài bị cáo H, bị cáo D có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó cần thiết áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy trong thời gian được tại ngoại cho đến nay các bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác, có nơi cư trú rõ ràng nên tạo điều kiện cho bị cáo hưởng mức cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với bị cáo.

Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ người bị kết án phải bị khấu trừ thu nhập từ 5 đến 20%, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh bị cáo khó khăn

hiện nay không có công việc ổn định nên không cần thiết phải áp dụng khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo nhưng cần buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và phải thực hiện nghĩa vụ theo qui định tại Luật thi hành án hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền lãi mà các bị cáo đã thu cao hơn qui định của Bộ luật dân sự. Đây là khoản thu lợi bất chính cần buộc bị cáo H trả lại cho những người đi vay bao gồm :

Đối với số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo đã thu của bà H T N L là 34.825.506 đồng. Quá trình điều tra bà L trình bày do số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo đã vượt quá số tiền gốc mà bà còn nợ của các bị cáo là 10.476.190 đồng. Do đó bà đề nghị căn trừ vào số tiền gốc bà còn nợ và số còn lại thì bà không yêu cầu trả lại cho bà ($34.825.506 - 10.476.190 = 24.349.316$ đồng) nên Hội đồng xét xử nghi nhận.

Đối với số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo đã thu của ông Thái K là 24.682.192 đồng. Quá trình điều tra ông K trình bày do số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo đã vượt quá số tiền gốc mà ông còn nợ của các bị cáo là 8.400.000 đồng. Do đó ông đề nghị căn trừ vào số tiền gốc ông còn nợ và số còn lại thì ông không yêu cầu trả lại ($24.682.192 - 8.400.000 = 16.282.192$ đồng) nên Hội đồng xét xử nghi nhận.

Đối với số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo đã thu của ông M T số tiền 8.289.041 đồng, số tiền gốc ông chưa trả đủ là 18.240.000 đồng. Quá trình điều tra ông Thanh đề nghị căn trừ với số tiền thu lợi bất chính phần còn lại ông sẽ nộp lại cho Nhà nước ($18.240.000 - 8.289.141 = 9.950.859$ đồng)

Đối với số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo đã thu của ông N T C là 14.089.041 đồng. Quá trình điều tra ông C đề nghị căn trừ với số tiền thu lợi bất chính phần còn lại ông sẽ nộp lại cho Nhà nước ($14.400.000 - 14.089.041 = 310.959$ đồng)

Ghi nhận sự tự nguyện của ông V H B K không yêu cầu các bị cáo lại số tiền 14.400.000 đồng.

Đối với số tiền vốn bị cáo H dùng để cho vay sau khi được căn trừ số tiền mà người đi vay chưa trả đủ cho bị cáo còn lại là 252.883.804 đồng. Đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo H nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự là 4.301.370 mà các bị cáo thu của những người đi vay. Đây là

khoản tiền phát sinh từ tội phạm, đồng thời hoạt động cho vay lãi nặng thường gắn với các băng nhóm tội phạm. Do đó, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo H nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền vốn mà người đi vay chưa trả đủ cho các bị cáo cần buộc người đi vay phải nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án quyết định phạt bổ sung bị cáo H số tiền 60 và bị cáo D 40 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về vật chứng vụ án : Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, 16GB đã qua sử dụng, Imei số 359237067906862 thu của bị cáo H; 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu xanh 256GB, đã qua sử dụng Imei số: 352845114489935/35.284511.440490 thu của bị cáo D. Các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm : Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 201, điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo V V H 01(một) năm 06(sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường 15, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Quyết định thi hành bản án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo V V H về cho Ủy ban nhân dân phường 15, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo V V H thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo qui định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Buộc bị cáo V V H phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và thực hiện nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 201, điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo T T D 01(một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường 15, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Quyết định thi hành bản án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo T T D về cho Ủy ban nhân dân phường 15, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo T T D thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo qui định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Buộc bị cáo T T D phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và thực hiện nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ Điều 46, Điều 47, Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 106, Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, 16GB đã qua sử dụng, Imei số 359237067906862; 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu xanh 256GB, đã qua sử dụng Imei số: 352845114489935/35.284511.440490.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số NK24/171TV ngày 09/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân)

3. Các biện pháp tư pháp khác: Buộc bị cáo H nộp lại số tiền 273.978.236 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo V V H nộp lại số tiền 4.301.370 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc ông M T nộp lại số tiền 9.950.859 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc ông N T C nộp lại số tiền 310.959 để sung quỹ Nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H T N L; ông N T K; ông V H B K không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 55.031.508 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo V V H nộp phạt bổ sung 60.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo T T D nộp phạt bổ sung 40.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Chi cục thi hành án quận Bình Tân;
- Công an quận Bình Tân;
- Viện kiểm sát quận Bình Tân;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- PC27 công an TPHCM;
- THA hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tín

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tín

